

Số: 1236/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 556/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Châu Thị Thu T, sinh năm 1991;

Căn cước công dân: ***** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 26/12/2021.

Địa chỉ thường trú: 154/4, khu phố D (183/7, khu phố F cũ), phường Đ (phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hoàng Vũ K, sinh năm 1989;

Căn cước công dân: ***** do Bộ C cấp ngày 04/12/2024.

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã Â, tỉnh Gia Lai (xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định cũ);

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ số B, Tầng B, Tòa S2.02, Khu Dân cư V, Số E Đường N, Khu phố E (khu phố B cũ), phường L (phường L, Thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Châu Thị Thu T và ông Hoàng Vũ K là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117 do UBND phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), cấp ngày 07/10/2016.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 15/9/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/11/2025; bà Châu Thị Thu T và ông Hoàng Vũ K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: giao hai con chung tên Hoàng Bảo T1, sinh ngày 11/10/2017 và Hoàng Hữu T2, sinh ngày 04/03/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hoàng Vũ K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 tháng/1 con (tổng cộng hai trẻ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng). Thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Châu Thị Thu T và ông Hoàng Vũ K tự nguyện ly hôn và thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 04/11/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Thu T và ông Hoàng Vũ K thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 117 do UBND phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), cấp ngày 07/10/2016 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Châu Thị Thu T và ông Hoàng Vũ K thỏa thuận giao hai con chung là Hoàng Bảo T1, sinh ngày 11/10/2017 và Hoàng Hữu T2, sinh ngày 04/03/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hoàng Vũ K cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 tháng/1 con (tổng cộng hai trẻ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng). Thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên.

Ông Hoàng Vũ K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận ly hôn là 300.000 đồng, bà T và ông K phải nộp toàn bộ lệ phí nên được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà T và ông K đã nộp theo biên lai thu số 0022011 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- UBND phường Đ (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 07/10/2016);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo